

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 510 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung danh mục ngành đúng, ngành gần
và các môn học bổ túc kiến thức trong xét tuyển Nghiên cứu sinh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các Trường thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Đại học Huế;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm tại công văn số 552 /ĐHNL-ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2018 và đề nghị của Viện trưởng Viện công nghệ sinh học tại công văn số 217/VCNSH ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành bổ sung danh mục ngành đúng, ngành gần và các môn học bổ túc kiến thức trong xét tuyển Nghiên cứu sinh;

Xét đề nghị của Quyền Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số ngành đúng, ngành gần và các môn học bổ túc kiến thức vào danh mục các ngành đúng, ngành gần và các môn học bổ túc kiến thức trong xét tuyển nghiên cứu sinh tại Đại học Huế được ban hành kèm theo Quyết định số 1656/QĐ-ĐHH ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Đại học Huế.

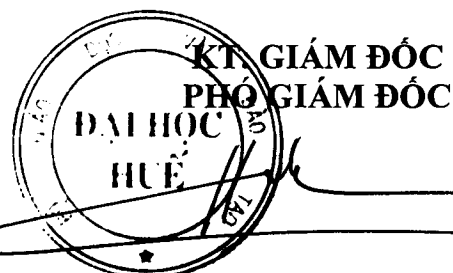
(Danh mục các ngành đúng, ngành gần và các môn học bổ túc kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Đào tạo, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế và Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT, Ban ĐT, TTXH. /



Huỳnh Văn Chương

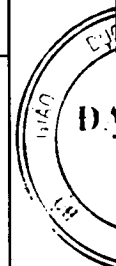
**DANH MỤC BỔ SUNG NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC
TRONG XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 510 /QĐ-ĐHH ngày 04 tháng 5 năm 2019
của Giám đốc Đại học Huế)

1. ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Chuyên ngành	Ngành đúng	Ngành gần	Các môn bổ túc kiến thức ngành gần	Số tín chỉ
Khoa học cây trồng	1. Khoa học cây trồng	1. Sư phạm kỹ thuật nông lâm	1. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày 2. Nguyên lý sản xuất cây công nghiệp dài ngày 3. Nguyên lý sản xuất cây lương thực 4. Quản lý mùa vụ tổng hợp	2 2 2 2
	2. Nông học	2. Lâm học		
	3. Bảo vệ thực vật	3. Quản lý tài nguyên rừng		
	4. Khoa học nghề vườn	4. Khoa học đất		
	5. Trồng trọt	5. Sinh học thực nghiệm		
	6. Làm vườn sinh vật cảnh	6. Sinh thái học		
	7. Di truyền chọn tạo giống	7. Thực vật học		
	8. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	8. Sinh học		
		9. Nông hóa - Thổ nhưỡng		
		10. Động vật học		
		11. Sinh lý thực vật		

nh



		12. Công nghệ sinh học			
		13. Lâm nghiệp			
		14. Khuyến nông			
		15. Sinh học ứng dụng			
		16. Phương pháp luận giảng dạy sinh học			
Bảo vệ thực vật	1. Bảo vệ thực vật	1. Sinh học	1. Nấm hại thực vật	2	
	2. Khoa học cây trồng	2. Sinh học thực nghiệm		2. Tương tác giữa cây trồng và côn trùng	2
	3. Nông học	3. Công nghệ sinh học		3. Khoa học cỏ dại	2
	4. Trồng trọt	4. Lâm nghiệp		4. Quản lý dịch hại tổng hợp	2
	5. Khoa học nghề vườn	5. Lâm sinh			
	6. Làm vườn và sinh vật cảnh	6. Sư phạm kỹ thuật nông lâm			
	7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	7. Quản lý tài nguyên và môi trường			
	8. Di truyền chọn tạo giống	8. Khuyến nông			
		9. Lâm nghiệp đô thị			
		10. Khoa học đất			
		11. Bảo quản chế biến nông sản			
		12. Động vật học			
		13. Thực vật học			
		14. Sinh lý thực vật			
		15. Quản lý môi trường			
		16. Sinh thái học			
		17. Quản lý tài nguyên rừng			
		18. Sinh học ứng dụng			
		19. Phương pháp luận giảng dạy sinh học			

mb

Chăn nuôi	1. Chăn nuôi	1. Động vật học	1. Thức ăn	2
	2. Chăn nuôi - Thú y	2. Sinh học	2. Chăn nuôi bò nâng cao	3
	3. Thú y	3. Công nghệ sinh học	3. Chăn nuôi lợn nâng cao	3
	4. Hệ thống chăn nuôi nhiệt đới	4. Dược thú y	4. Chăn nuôi gia cầm nâng cao	3
		5. Nuôi trồng thủy sản		
		6. Ngư y		
Thú y	1. Thú y	1. Chăn nuôi	1. Vi khuẩn học và nấm học thú y	2
		2. Động vật học	2. Virus học thú y	2
			3. Miễn dịch học thú y	2
			4. Bệnh lý học thú y	2
			5. Dịch tễ học thú y	2
			6. Bệnh truyền nhiễm thú y	2
Quản lý đất đai	1. Quản lý đất đai	1. Trắc địa – bản đồ	1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển	3
	2. Địa chính	2. Địa lý	2. Hệ thống quản lý đất đai	2
	3. Công nghệ địa chính	3. Kinh tế tài nguyên và môi trường	3. Tài chính về đất đai	2
	4. Bất động sản			
		4. Khoa học đất	1. Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển	3
		5. Nông hoá – thổ nhưỡng	2. Hệ thống quản lý đất đai	2
		6. Kinh tế	3. Trắc địa địa chính nâng cao	3
		7. Phát triển nông thôn		
		8. Quản lý tài nguyên và môi trường		
	9. Luật			
Lâm sinh	1. Lâm nghiệp	1. Quản lý tài nguyên rừng	1. Sinh thái rừng	2
	2. Lâm sinh	2. Sinh học	2. Trồng rừng nhiệt đới	2
	3. Lâm học	3. Thực vật học	3. Điều tra rừng	2
		4. Động vật học	4. Sản lượng rừng	2
		5. Quản lý tài nguyên thiên nhiên		
		6. Sư phạm kỹ thuật nông lâm		

Nb

		7. Công nghệ sinh học		
		8. Quản lý môi trường		
		9. Quản lý đất đai, Khoa học đất		
		10. Phát triển nông thôn		
		11. Quản lý tài nguyên và môi trường		
		12. Kinh tế Lâm nghiệp		
Phát triển nông thôn	1. Phát triển nông thôn	Nhóm kỹ thuật		
	2. Quản lý đất đai	1. Khối Nông – Lâm – Ngư	1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện	3
	3. Quản lý dự án	1.1. Khoa học cây trồng	2. Hệ thống nông nghiệp	3
	4. Quản lý công	1.2. Lâm học	3. Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn	2
	5. Quản lý tài nguyên và môi trường	1.3. Chăn nuôi	4. Môn tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)	
		1.4. Nuôi trồng thủy sản	a, Phân tích sinh kế	2
		2. Sinh học	b, Chuyên đề xây dựng nông thôn mới.	2
		3. Thủy lợi, công trình	c, Quản lý dự án phát triển PTNT	2
		4. Bảo quản chế biến	d, Khuyến nông và đào tạo nông dân.	2
			e, Xã hội học nông thôn.	2
		Nhóm kinh tế		
		5. Kinh tế nông nghiệp	1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện	3
		6. Quản trị kinh doanh	2. Hệ thống nông nghiệp	3
		7. Quản lý kinh tế	3. Khuyến nông và Đào tạo nông dân	2
			4. Môn tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)	
			a, Phân tích sinh kế	2
			b, Chuyên đề xây dựng nông thôn mới	2
			c, Quản lý dự án phát triển PTNT	2
		d, Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn	2	
		e, Xã hội học nông thôn	2	

mb

		<i>Nhóm xã hội / luật</i>		
		8. Xã hội học	1. Tiếp cận phát triển nông thôn toàn diện 2. Hệ thống nông nghiệp 3. Khuyến nông và Đào tạo nông dân	3
		9. Luật học		3
				2
			4. Môn tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)	
			<i>a, Phân tích sinh kế</i>	
			<i>b, Chuyên đề xây dựng nông thôn mới</i>	2
			<i>c, Quản lý dự án phát triển PTNT</i>	2
			<i>d, Kế hoạch và chiến lược phát triển nông thôn</i>	2
			<i>e, Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	2
Nuôi trồng thủy sản	1. Nuôi trồng thủy sản	1. Sinh học	1. Di truyền và chọn giống thủy sản	3
	2. Bệnh học thủy sản (Ngư y)	2. Chăn nuôi	2. Dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản	3
	3. Quản lý thủy sản	3. Chăn nuôi thú y	3. Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2
		4. Thú y	4. Bệnh động vật thủy sản	2
		5. Kỹ thuật nông lâm	5. Kỹ thuật nuôi động vật giáp xác	3
			6. Chuyên đề nuôi cá nước ngọt	2
			7. Kỹ thuật nuôi cá biển	2

nh

2. ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Chuyên ngành	Ngành đúng, ngành phù hợp	Ngành gần	Các môn bổ túc kiến thức ngành gần	Số tín chỉ
Sinh học	1. Sinh học (ĐH, ThS)	1. Khoa học cây trồng (ThS)	1. Công nghệ sinh học nâng cao 2. Sinh học tế bào 3. Hóa sinh hiện đại 4. Công nghệ DNA tái tổ hợp 5. Vi sinh vật học nâng cao	2 2 2 2 2
	2. Sinh học thực nghiệm (ĐH, ThS)	2. Bảo vệ thực vật (ThS)		
	3. Sinh học ứng dụng (ĐH)	3. Hóa sinh học (ThS)		
	4. Công nghệ sinh học (ĐH, ThS)	4. Chăn nuôi (ThS)		
	5. Động vật học (ThS)	5. Thú y (ThS)		
	6. Thực vật học (ThS)	6. Di truyền và chọn giống cây trồng (ThS)		
	7. Vi sinh vật học (ThS)	7. Nuôi trồng thủy sản (ThS)		
	8. Sinh thái học (ThS)	8. Bệnh học thủy sản (ThS)		
	9. Di truyền học (ThS)	9. Khoa học y sinh (ThS)		
	10. Sư phạm Sinh học (ĐH)	10. . Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (ThS)		
	11. Kỹ thuật sinh học (ĐH)	11. Lâm học (ThS)		
		12. Lâm sinh (ThS)		

hub